BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

STT	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Giờ TC		HP điều kiện			Tiến độ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**32**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung năm I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		5
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		5
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		5
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		5
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		5
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		5
13	GE4347	Pickleball*							
V. Đại cương chung			**18**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			16						
14	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
15	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
16	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					3
18	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
19	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		4
20	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
5.2. Đại cương chung tự chọn			**2**						
21	GE4049	Tiếng Việt thực hành	2	30					3
22	GE4001	Cơ sở ngôn ngữ học	2	30					3
23	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2	30					3
24	GE4003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30					3
25	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	30					3
26	GE4057	Văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long	2	30					3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**103**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
27	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					1
28	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30					1
29	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30			GE4017		2
30	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30			GE4045		2
31	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30					5
II. Kiến thức cơ sở ngành			**42**						
32	EN4248	Kỹ năng ngôn ngữ Anh 1	4	60					1
33	EN4249	Kỹ năng ngôn ngữ Anh 2	4	60			EN4248		2
34	EN4252	Dẫn luận ngôn ngữ	3	45					3
35	EN4218P	Ngữ pháp học	3	45			EN4252		4
36	EN4250	Kỹ năng ngôn ngữ Anh 3	4	60			EN4249		4
37	EN4251	Kỹ năng ngôn ngữ Anh 4	4	60			EN4250		5
38	EN4040E	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục ngôn ngữ	3	45					5
39	EN4200	Âm vị học	2	30			EN4252		7
40	EN4260	Kỹ năng Nghe nâng cao	3	45			EN4251		6
41	EN4262	Kỹ năng Nói nâng cao	3	45			EN4251		6
42	EN4261	Kỹ năng Đọc nâng cao	3	45			EN4251		7
43	EN4263	Kỹ năng Viết nâng cao	3	45			EN4251		7
44	EN4233N	Viết học thuật	3	45			EN4263		8

STT	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Giờ TC		HP điều kiện			Tiến độ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
III. Kiến thức chuyên ngành			**30**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**24**						
45	EN4213N	Phương pháp dạy học tiếng Anh 1	2	30					3
46	EN4214N	Phương pháp dạy học tiếng Anh 2	3	45		EN4213N			4
47	EN4215P	Phương pháp dạy học tiếng Anh 3	3	45		EN4214N			5
48	EN4257	Xây dựng môi trường học tập ngoại ngữ	3	45			EN4214N		7
49	EN4146	Kỹ năng thuyết trình	2	30					4
50	EN4108N	Giao thoa văn hoá	3	45					6
51	EN4264	Phát triển chương trình giảng dạy tiếng Anh	3	45			EN4214N		6
52	EN4118	Ngữ dụng học	2	30					6
53	EN4109N	Kiểm tra, đánh giá	3	45			EN4214N		8
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn 6 tín chỉ của nhóm 1			**6**						
Nhóm 1									
54	EN4227	Văn hóa Anh	2	30					7
55	EN4228	Văn hóa Mỹ	2	30					7
56	EN4239	Văn hóa các quốc gia Châu Á	3	45					7
57	EN4142	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy tiếng Anh	2	30		EN4214N			7
58	EN4258	Tiếp cận các bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh	2	30		EN4260 EN4261 EN4262 EN4263			8
59	EN4229	Văn học Anh	2	30					8
60	EN4230	Văn học Mỹ	2	30					8
61	EN4253	Thực tế Bộ môn	2	15	30				8
Nhóm 2									
62	EN4144	Phong cách học	2	30					7
63	EN4226	Từ vựng - Ngữ nghĩa học	2	30			EN4252		7
64	EN4235	Lý thuyết dịch	3	45					7
65	EN4143	Cú pháp học	2	30			EN4252		8
66	EN4117	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	15	30		EN4252		8
67	EN4127	Phân tích lỗi	2	15	30				8
68	EN4126	Phân tích diễn ngôn	2	15	30				8
IV. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm			**15**						
69	EN4401	Rèn luyện NVSPTX 1	1		30				3
70	EN4402	Rèn luyện NVSPTX 2	1		30		EN4401		4
71	EN4403	Rèn luyện NVSPTX 3	1		30		EN4402		5
72	EN4404	Rèn luyện NVSPTX 4	1		30		EN4403		6
73	EN4405	Rèn luyện NVSPTX 5	1		30		EN4214N EN4404		7
74	EN4406	Rèn luyện NVSPTX 6	1		30		EN4405		8
75	EN4430N	Kiến tập sư phạm	3		90	EN4214N	EN4405		8
76	EN4408N	Thực tập sư phạm	6		180	EN4215N	EN4406		9
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
5.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
77	EN4297E	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				9
5.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
78	EN4242	Phương pháp dạy học tiếng Anh tiểu học	2	30			EN4213N		8
79	EN4243	Phương pháp dạy học tiếng Anh THCS	2	30			EN4213N		8
	EN4256	Phương pháp dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ (CLIL)	2	30			EN4213N		8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**	2148	1062				
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			113						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			8						